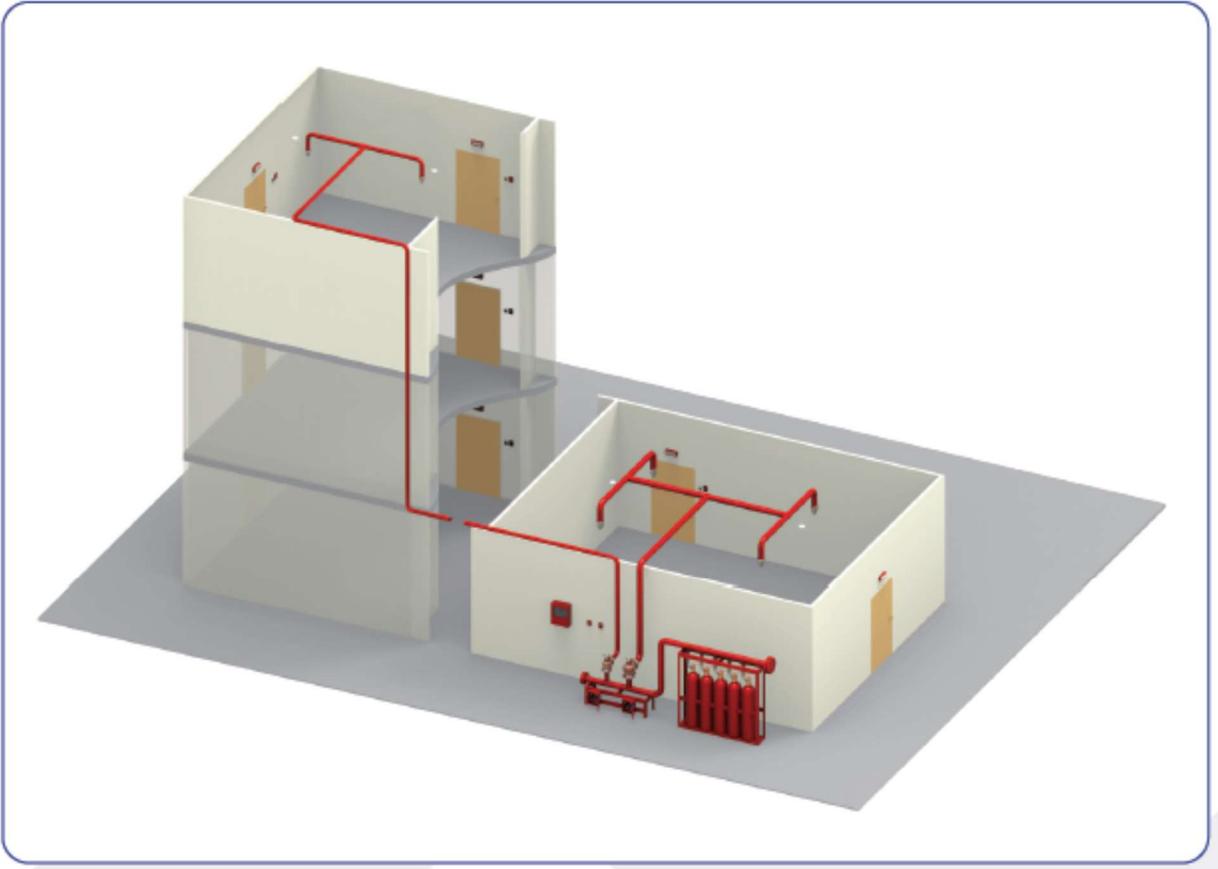


MG-227 SYSTEM(HFC-227ea)

HỆ THỐNG CHỮA CHÁY KHÍ SẠCH

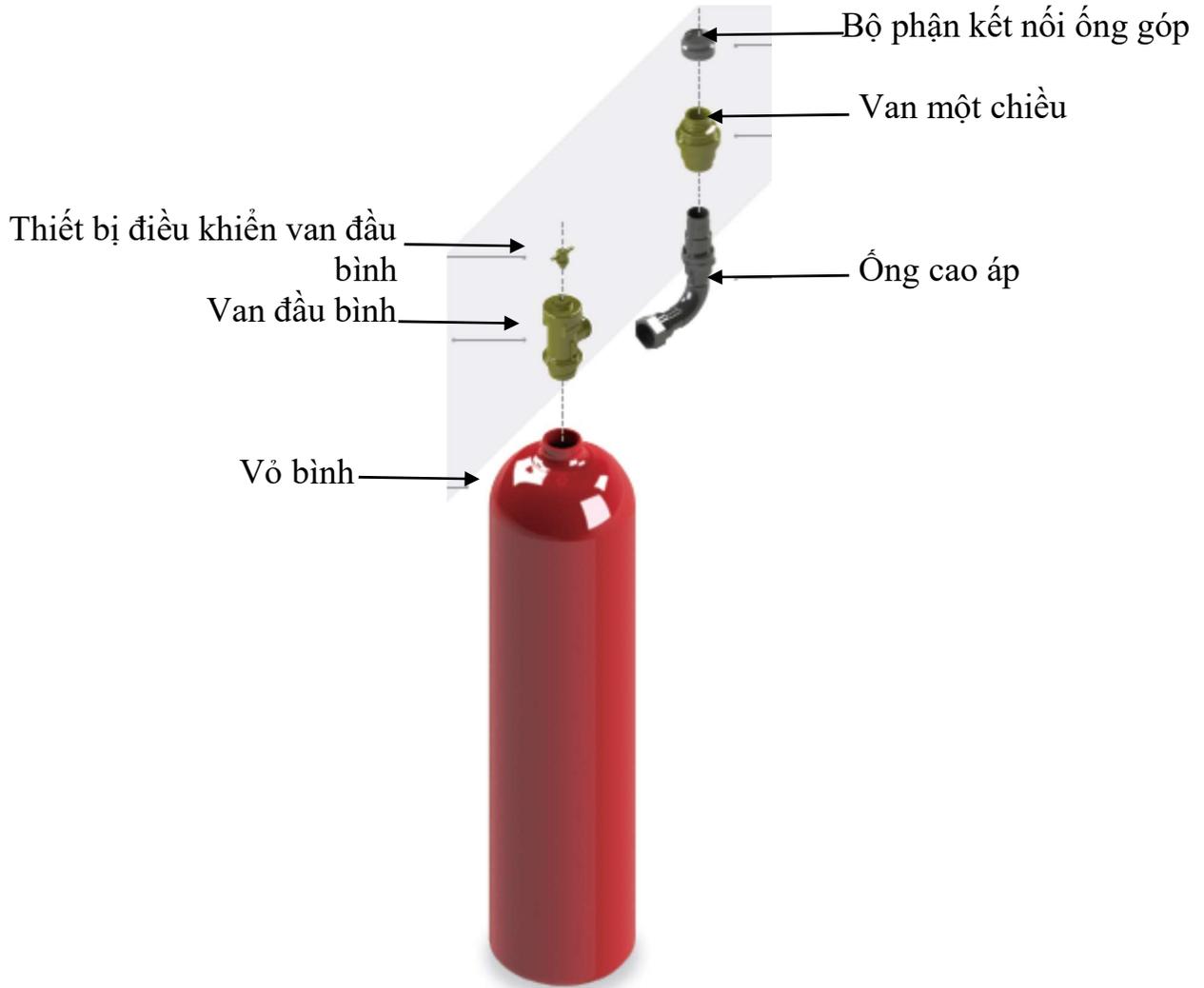


MASTECO VINA MG-227

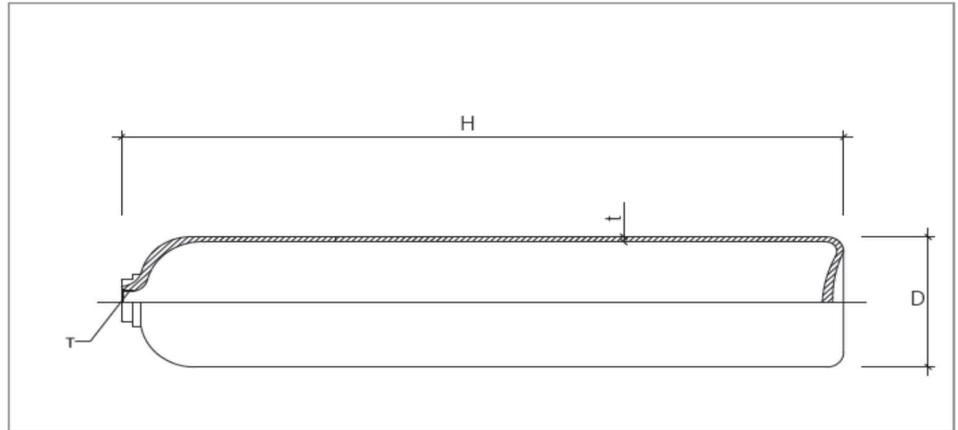


ĐÁP ỨNG NHANH, HIỆU QUẢ, AN TOÀN VÀ SẠCH

❖ Thành phần bình khí



1. Bình khí (Model: VMFC-68 / VMFC-82 / VMFC-130 / VMFC-140)

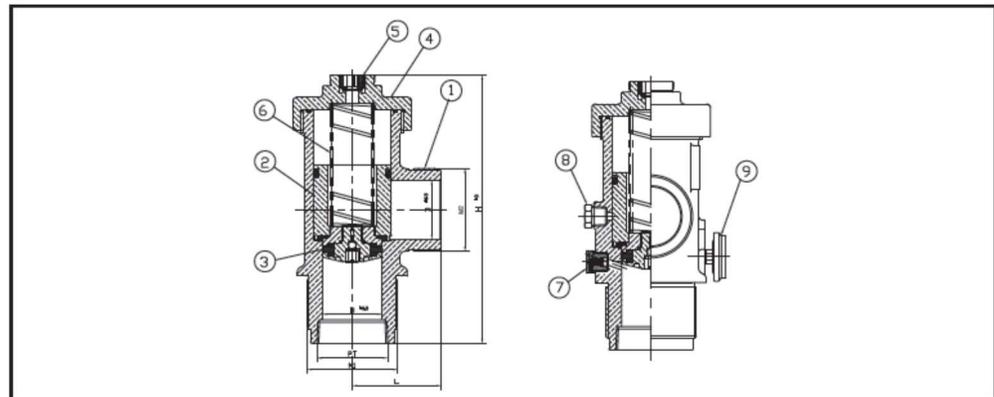


Model	Dung tích (L)	Dải nạp (kg)	Kích thước van	H (mm)	D (mm)	t (mm)	T	Áp lực kiểm tra
VMFC-68	68	27~53.5	40A	1495	267	6.24(Min)	M64X2.0	7.8MPa
VMFC-82	82.5	39.6~82.5	40A	1565	279	6.24(Min)	M64X2.0	
VMFC-130	127	61~127	50A	1670	356	7.36(Min)	M76X2.0	
VMFC-140	140	67.2~140	50A	1740	356	7.36(Min)	M76X2.0	

❖ Thông số chính

- Chất liệu vỏ bình: Mn-Steel (VMFC-68 / VMFC-82 / VMFC-130 / VMFC-140)
- Dung tích bình (lít): 68/82.5/127/140
- Đường kính bình: 267/279/356/356
- Chiều cao: 1,495 / 1,565 / 1,670 / 1,740
- Áp lực nạp: 4.2Mpa
- Dải nạp (kg):
VMFC-68: 27~53.5
VMFC-82: 39.6~82.5
VMFC-130: 61.0~127
VMFC-140: 67.2~140
- Áp lực kiểm tra: 7.8Mpa
Kích thước van kết nối: 40A / 50A

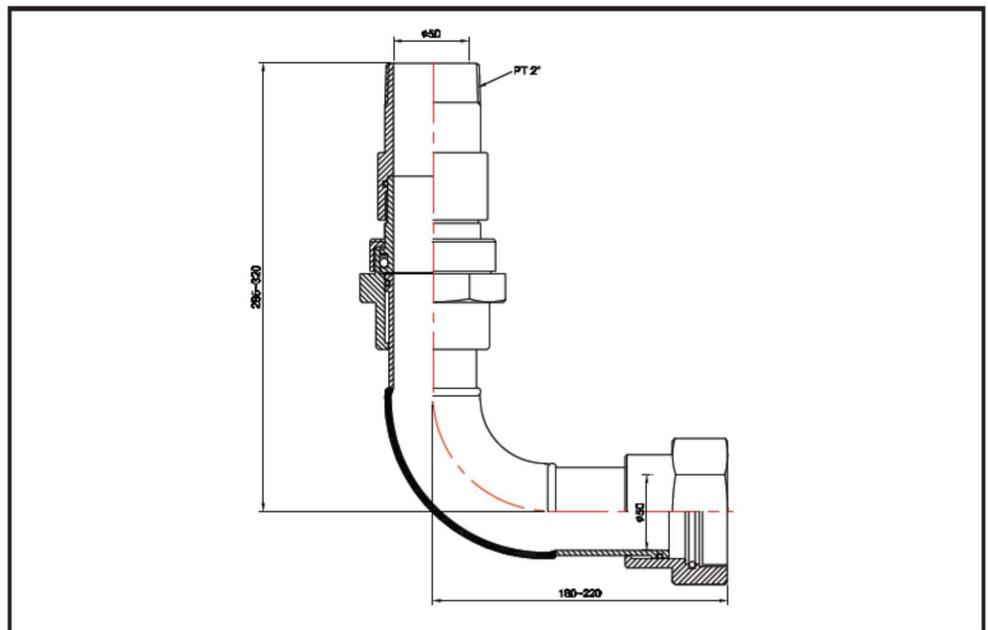
2. Van đầu bình (CVH-B40 / CVH-B50)



❖ Thông số chính

- Chất liệu: C3771, C3604 (KSD5101) (CVH-B40 / CVH-B50)
- Đường kính kết nối (mm): 40/50
- Bình kết nối: 82.5/127/140
- Áp lực kiểm tra: 11.8Mpa
- Ren kết nối: M60x2.0/ M70x2.0
- Chế độ kích hoạt: làm vỡ đĩa chênh áp bằng van điện từ hoặc kích hoạt bằng tay

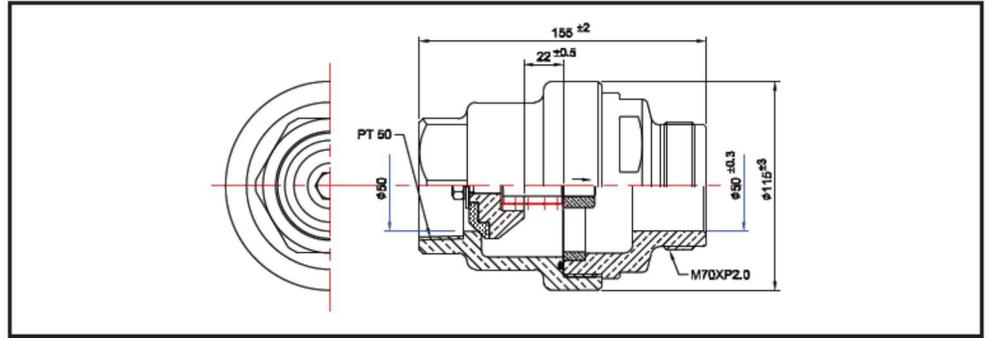
3. Ống cao áp (Model: MUE-B50)



❖ Thông số chính

- Chất liệu: SM20C, SS400 (KS D 3752, KS D 3503)
- Đường kính trong (mm): 50"
- Áp lực kiểm tra: 5.8 MPa
- Kích thước kết nối van: PT 2" (50A)
- Ren kết nối: M70 × P2.0

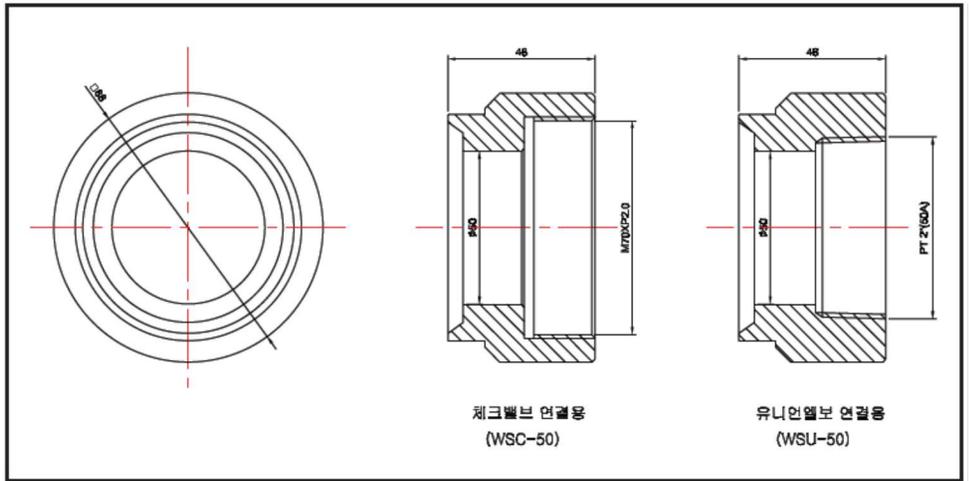
4. Van một chiều (Model: MCV-50)



❖ Thông số chính

- Chất liệu: SM20C Vỏ kẽm (KS D 3752) hoặc C3771 (KS D 5101)
- Áp lực làm việc: 0.05Mpa
- Áp lực kiểm tra: 5.8 MPa
- Ren kết nối: M70 × P2.0
- Kích thước kết nối van: PT 2"

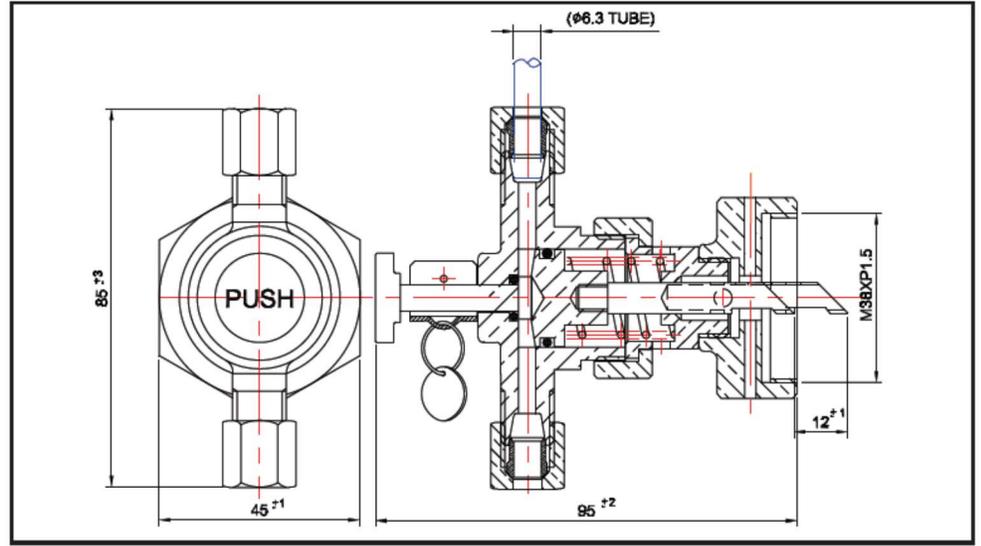
5. Bộ phận kết nối ống góp (Model: WSC-50, WSU-50)



❖ Thông số chính

- Chất liệu: SM20C Vỏ kẽm
- Chế độ kết nối : Hàn
- Ren kết nối: M70 × P2.0 hoặc PT 2"

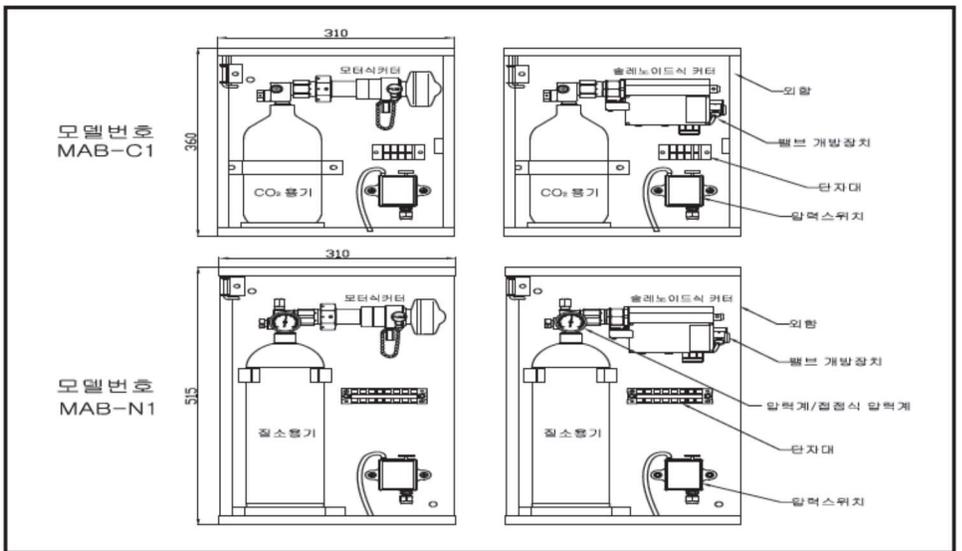
6. Thiết bị điều khiển van đầu bình (Model: MNC-06)



❖ Thông số chính

- Chất liệu: C3771, C3604 (KS D 5101)
- Áp lực làm việc: 0.5Mpa
- Áp lực kiểm tra: 24.5Mpa
- Kết nối ống đồng: 6.3Ø
- Ren kết nối: M38 x P1.5

7. Bộ bình kích hoạt (Model: MAB-C1 / MAB-N1)



❖ Thông số chính

- Chất liệu: Bình 1.1L (Mn steel), Bình 2L (Mn steel)
- Lượng khí nạp: 0.65kg CO2/ 80bar Nito
- Van điện từ: Van đóng có điện từ (DC24V, 1.7A) hoặc van đóng có động cơ (DC24V, 1.7A)
- Nguồn điện: DC24V, 0.25A

- Vỏ hộp: Thép, sơn tĩnh điện (310×360×135)/ Thép, sơn tĩnh điện (310×515×135)
- Tùy chọn : Công tắc áp lực (MAB-N1)

8. Đầu phun xả khí

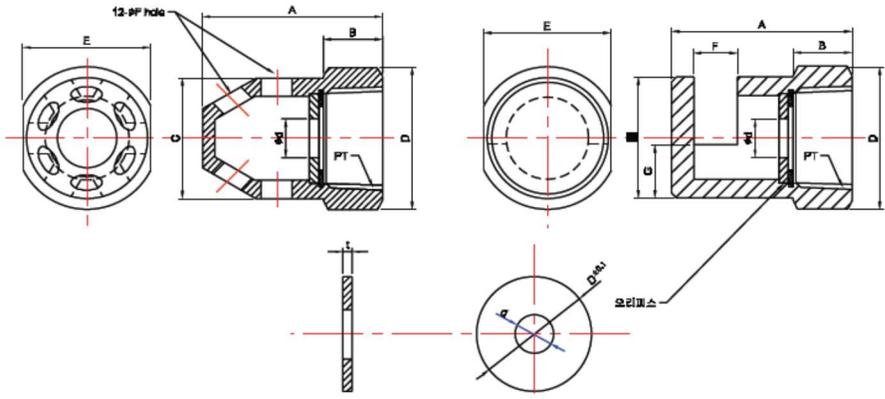
360도 형



180도 형



360도 형 **180도 형**



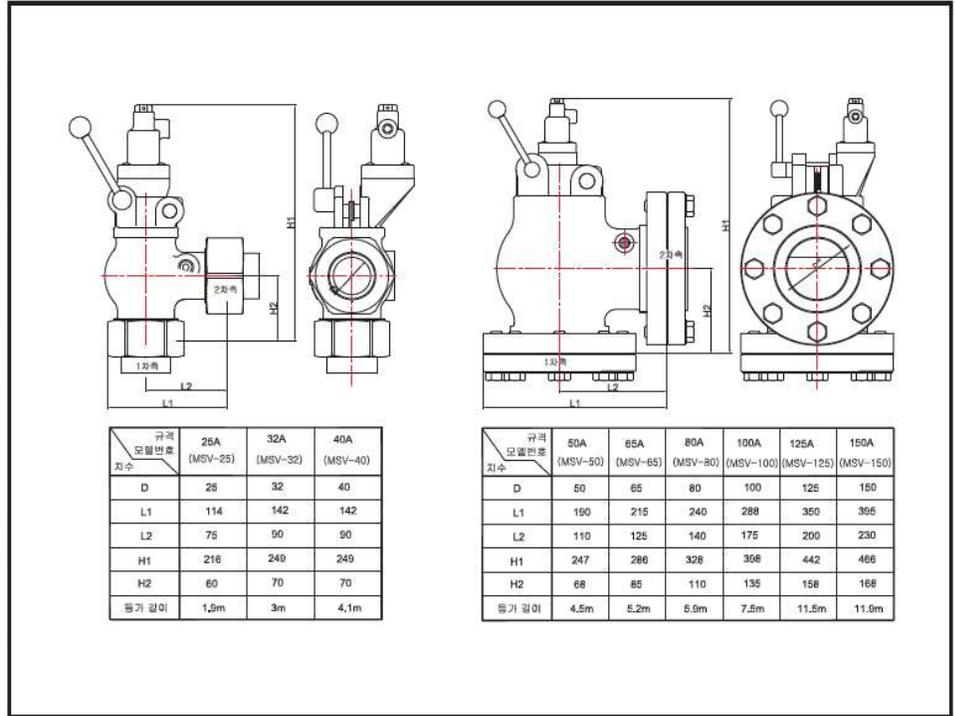
SIZE	A	B	C	D	E	F(공통)	F(특수)	G	PT	오리피스		
										t	D	rad
15A	45	15	25	32	28	5	10	10	1/2"	2	18.8	
20A	50	17	32	38	34	8	12	14	3/4"	2	23	이 제품의 노출된 부분은 반도체 용이다
25A	58	19	39	46	41	10	14	17	1"	3	29	
32A	68	21	49	56	50	12	16	22	1 1/4"	3	37	
40A	74	22	56	63	57	14	18	28	1 2/3"	3	48	
50A	84	23	67	75	68	16	20	32	2"	3	55	

❖ Thông số chính

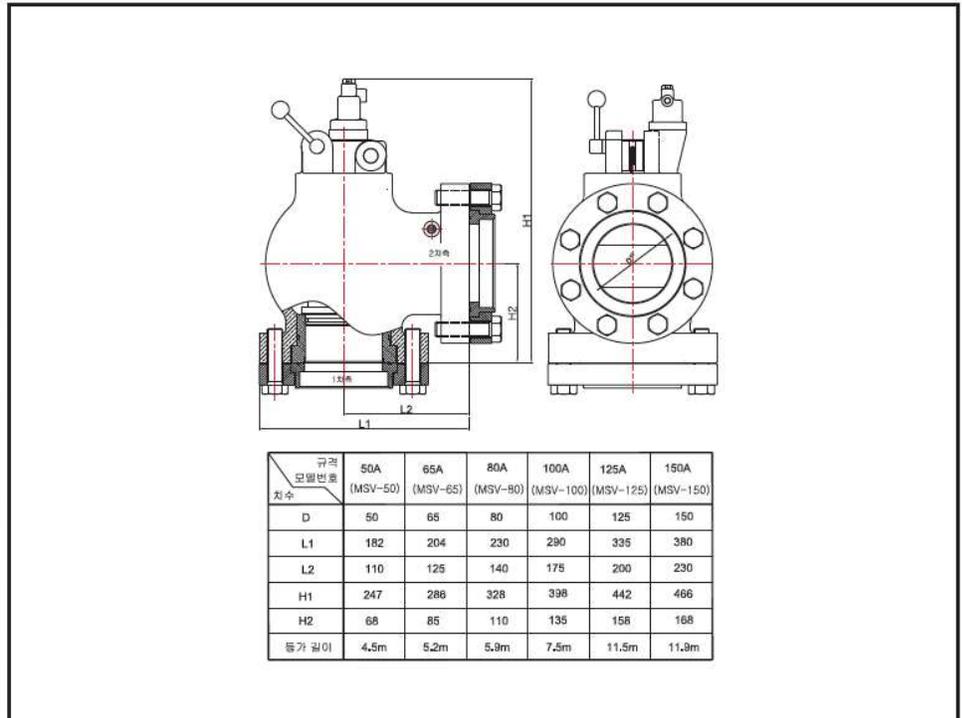
- Chất liệu: A6061 (KS D 6763) hoặc C3604 (KS D 5101)
- Kích thước: 15A ~ 50A
- Đĩa hãm: Bằng đồng
- Phương pháp kết nối: Bằng ren tiêu chuẩn

9. Van chọn vùng (Model: MSV-25 ~ 150)

플랜지 분리형



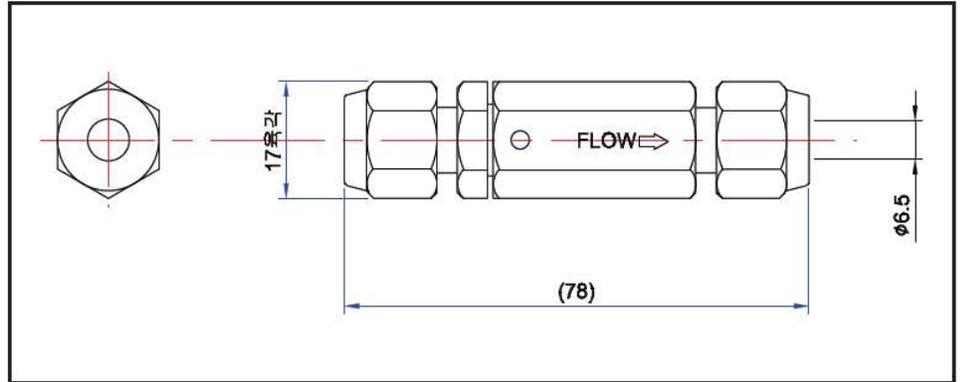
플랜지 일체형



❖ Thông số chính

- Chất liệu: CAC406, C3604 (KS D 5101, KS D 6024)
- Áp lực làm việc tối đa: 5.8Mpa
- Áp lực làm kích hoạt: 0.2 ~1.0 MPa
- Áp lực kiểm tra: 8.7Mpa

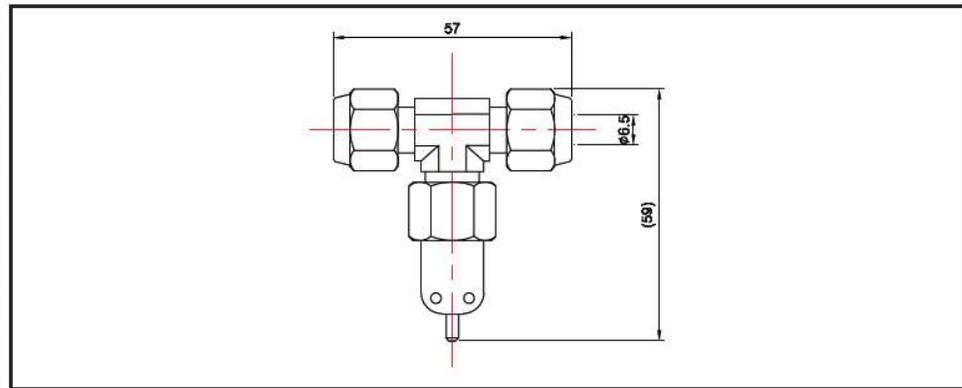
10. Van một chiều (6A)



❖ Thông số chính

- Chất liệu: C3604 (KS D 5101)
- Áp lực kiểm tra: 24.5 MPa
- Kích thước kết nối ống đồng: 6.3Ø

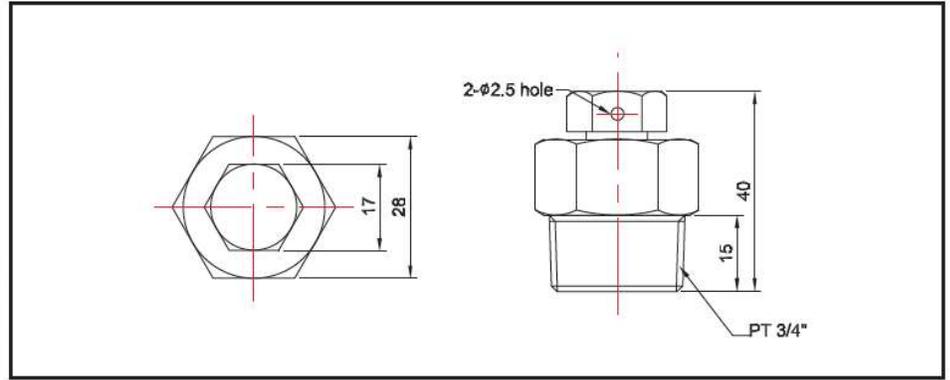
11. Van Giảm áp



❖ Thông số chính

- Chất liệu: C3604, C3771 (KS D 5101)
- Áp lực làm việc: 0.2Mpa trở xuống
- Áp lực kiểm tra: 24.5 MPa
- Kích thước kết nối ống đồng: 6.3Ø

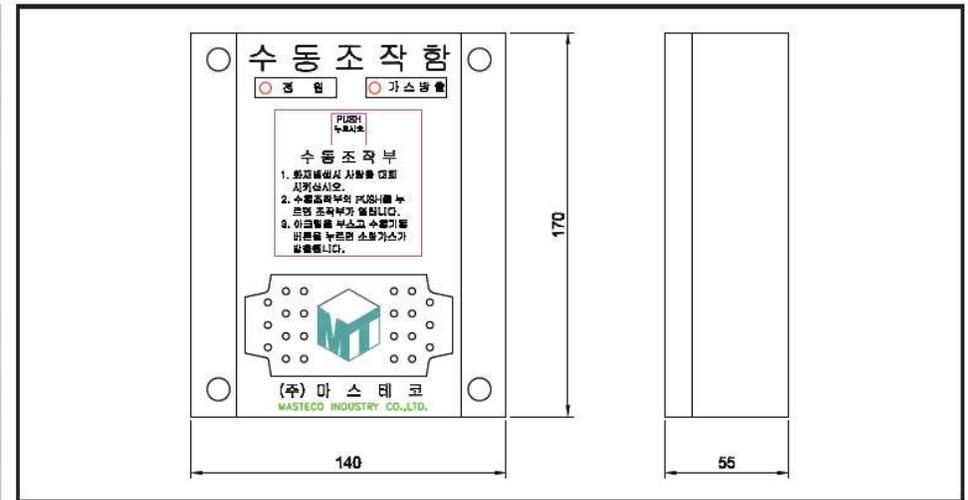
12. Van an toàn



❖ Thông số chính

- Chất liệu: C3604 (KS D 5101)
- Áp lực làm việc: 6 đến 8Mpa hoặc hơn
- Áp lực kiểm tra: 24.5 MPa
- Kích thước: PT3/4"

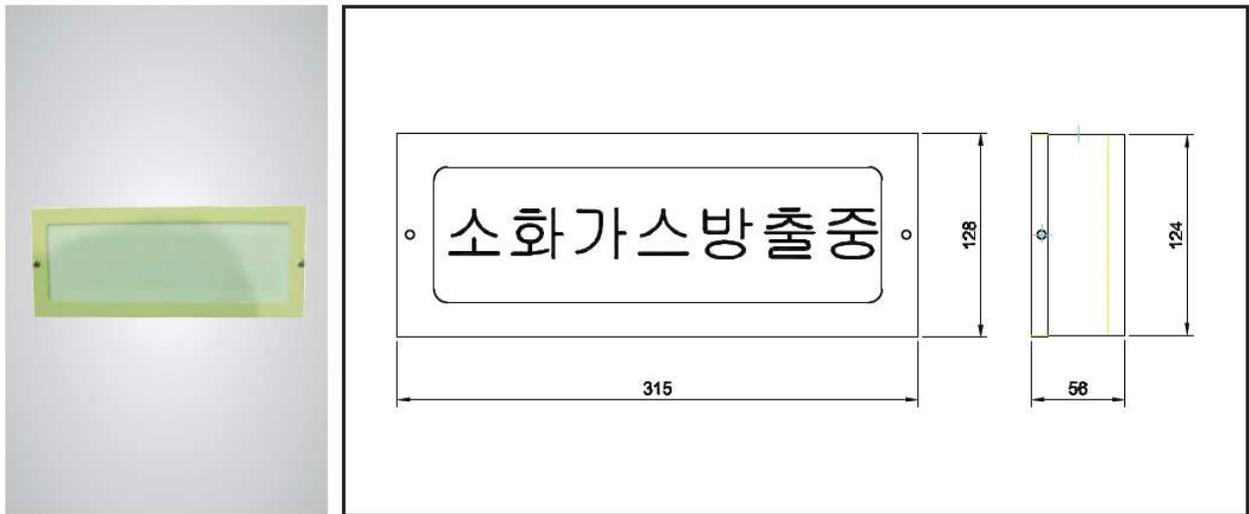
13. Nút ấn xả khí



❖ Thông số chính

- Chất liệu vỏ: ABS
- Điện áp hoạt động: 24Vdc
- Chức năng: kích hoạt bằng tay, tạm dừng, cảnh báo chuyển mạch, đèn báo hoạt động

14. Đèn cảnh báo xả khí

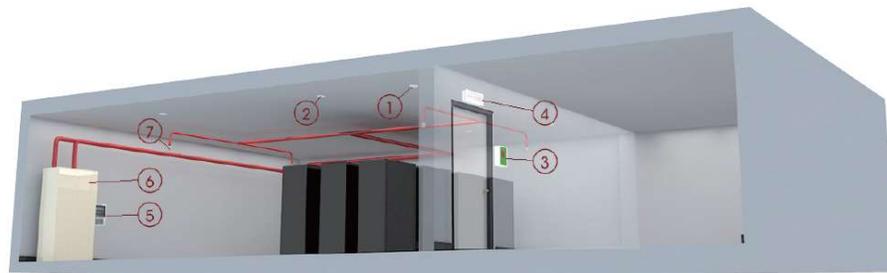


❖ Thông số chính

- Chất liệu vỏ: Thép tấm cán nguội/ sơn tĩnh điện
- Đèn hiển thị: đèn led/ 24Vdc

15. Hệ thống chữa cháy cục bộ

- ❖ Đây là hệ thống lắp đặt bình chữa cháy trong hộp được đặt trong khu vực bảo vệ mà không có khu vực đặt chất chữa cháy riêng biệt nó bao gồm một đường ống duy nhất nối với 1 hoặc nhiều đầu phun.



Đầu báo khói



Đầu báo nhiệt



Nút ấn xả khí



Đèn cảnh báo xả khí



Trung tâm điều khiển



Khu vực chữa cháy



180도 노즐 360도 노즐

Đầu phun xả khí



제 2018002673 호

성 능 인 증 서

신청인 성 명: 오주완
상 호: (주)마스테코 인천공장
사업장주소: 인천광역시 남동구 영고개로480번길 173 (고잔동)

해러의 소방용품에 대하여 소방시설설치유지및안전관리에관한법률 제38조제1항 및 소방용품의 통일관리 등에 관한 규칙 제17조1항 및 제18조제2항에 따라 다음과 같이 성능인증을 합니다.

- 1. 품 명: 가스제소화설비 프로그램
- 2. 형 식: 정정소화약제소화설비(HFC-227ea, 상품명: MG227 ESS II)

3. 성능인증번호: 가설18-3

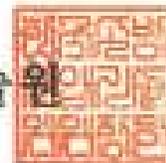
4. 조 건

5. 비 고

2018 년 07 월 04 일



한국소방산업기술원



한국소방산업기술원
www.kkfi.or.kr



제 2001-06-0290 호

형식 승인서

신청인 명 : 오주환
상 호 : (주)마스텍코 인천공장
사업장주소 : 인천광역시 남동구 영교개로490번길 173 (교전동)

소방시설설치·유지및안전관리에관한법률 제36조제1항·제37조제1항
및 소방용품의품질관리등에관한규칙 제8조·제9조제3항에 따라 다음과 같이
아래 소방용품의 형식을 승인합니다.

- 1. 품 명 소화약제(설비용)
- 2. 형 식 할루겐화합물(HFC-227ea, 설비용 8급 소화능력 6.5%)

3. 형식승인번호 약01-5

4. 조 건

5. 비 고

2001년 06월 27일



한국소방산업기술원





사업자등록증 (법인사업자)

등록번호 : 116-81-04862

법인명(단체명) : (주) 마스티코

대표자 : 오주환

개업연월일 : 1984년 02월 27일 법인등록번호 : 110111-0368959

사업장소재지 : 서울특별시 영등포구 국회대로 800, 4층 430호(여의도동, 권
미파라곤)

본점소재지 : 서울특별시 영등포구 국회대로 800, 4층 430호(여의도동, 권
미파라곤)

사업의종류 : **업태** 제조
제조
건설
도소매

종목 소방설비기기
금속열크림가공저장업축통기
전문소방시설공사업
소방설비기기, 금속열크림가공저장업축
통기

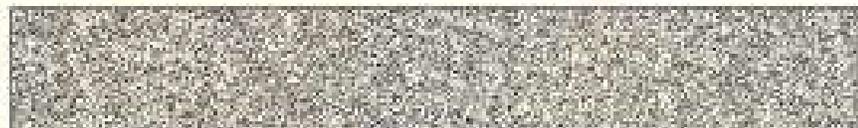
발급사유 : 변경

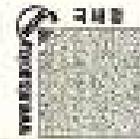
사업자 단위 과세 적용사업자 여부 : 여() 부()

전자세금계산서 전용 전자우편주소 :

2017년 08월 21일

영등포세무서장





사업자등록증 (법인사업자)

등록번호 : 139-85-00983

법인명(단체명) : (주) 마스텍오인천공장

대표자 : 오주환

개업연월일 : 1988년 07월 27일 법인등록번호 : 110111-0366959

사업장소재지 : 인천광역시 남동구 영고계로490번길 173, 1468동 13L호(고장동, 남동공단)

본점소재지 : 서울특별시 영등포구 국회대로 800, 4층 430호(여의도동, 진미파라곤)

사업의종류 :	<input checked="" type="checkbox"/> 제조	<input checked="" type="checkbox"/> 금속형크릿가공저장용기, 압축소화장비
	제조	전문소방시설공사
	건설업	소화장비, 금속형크릿가공저장용기
	도수업	

발급사유 : 본점정점

사업자 단위 과세 적용사업자 여부 : 여() 부(V)

전자세금계산서 전용 전자우편주소 :

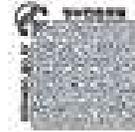
2017년 08월 21일

남인천세무서장





문서확인번호: 1494-3793-4249-9611 (신청인: 마스텍코)



본 신청서류공표의 목 공표내용에 공표 비용: 신청인이 (본의 재공제에의사) (가정 2017.10.10) 본 공표 비용은 신청인 부담
 (공표료: 1,000,000 VND)

공장등록증명(신청서)

본 증명서의 내용은 신청인으로부터 제공된 자료에 따라 작성된 것으로, 신청인은 증명서의 내용을 증명합니다. (본의 재)

신청인명: 마스텍코 주소: 하이안 회사: 마스텍코

신청인	회사명	전화번호
	(주)마스텍코	032) 911-1301
	대표자: 공창우	생년월일(양력/음력/연월일)
	오우환	110111-0308050
대표사무소(법인소재지)		
서평특별시 청화지구 하이안동 213, 비동 204호 (하이안동, 하이안현청소재지)		

등록 내용	공장소재지	지속	보유구분	
	주소: 서평특별시 남동구 청화동213번길 133, 144동쪽 13호지 (2017년 10월 10일)	공장용지	지대 (4) 임대 (1)	
	지번: 서평특별시 남동구 청화동 213-13호지	공장등록일 1000-07-15	시험시작일 1000-07-27	등록일자 2017.10.10
	등록번호: 1000-07-15	시험시작일 1000-07-27	등록일자 2017.10.10	
등록비: 1,000,000 VND (등록비) + 1,000,000 VND (등록비) + 1,000,000 VND (등록비)				

등록 조건

등록비: 1,000,000 VND (등록비) + 1,000,000 VND (등록비) + 1,000,000 VND (등록비) (등록비번호: 11000010011100)

2017-08-22
 사 용 : 대외회사 인건(강남) 오우환 -> 오우환

「산업단지장설치 및 운영설비에 관한 법률 시행규칙」 제12조의3에 따라 위와 같이 공장등록증명서를 신청합니다.

2017년 5월 18일

신청인

오우환 (서명 또는 도장)

인천광역시 남동구청장 귀하

구분	비율	비율
구분	비율	비율

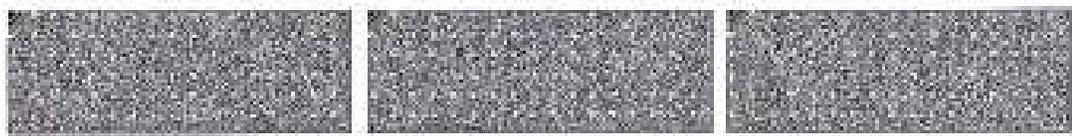
신청서	1	수수료	1	등록비	1	등록비	1	등록비	1	등록비	1
신청서	1	수수료	1	등록비	1	등록비	1	등록비	1	등록비	1

「산업단지장설치 및 운영설비에 관한 법률」 제10조(1) 제1항·(2) 제1항에 따라 위와 같이 등록비 증명서를 증명합니다.

2017년 5월 18일

인천광역시 남동구청장

11000010011100 (등록비번호) (등록비) / 1000000 VND



본 증명서는 인터넷으로 발급되며, 인터넷(masteco.vn)의 인터넷공표시스템을 통해 위와 같은 내용을 확인해 주십시오. (발급일로부터 90일(90일) 또는 인터넷의 해당정보를 인터넷(masteco.vn) 본사확인프로그램 또는 인터넷(masteco.vn)을 통해 확인할 수 있습니다.

제 고 - 8 - 03 호

용기 제조 등록증명서

① 사 업 의 종 류	용기 제조		
② 상 호	(주)마스텍코		
③ 사 업 소 소 제 처	인천광역시 남동구 고잔동 715-12 (146B/13L)		
④ 성 명 (대 표 자)	오주환	⑤ 생 년 월 일	1958년 04월 03일
⑥ 용기·냉동기·특정설비	종 류	규 격 (kg)	
	소화용기 HCFC-BLANK A LPG용접용기 무단용접용기 LPG자동차용 용접용기 우레온 용기 암모니아 용기 HALON 1301용기 기타용접용기	2부구조: 8 3부구조: 4,10,46,96,133,5~142 68.5, 102.3, 132.6 2부구조: 3, 5.5, 10.5 3부구조: 1.2, 50, 50kg(a) 2부구조: 13 2부구조: 19, 31.7 3부구조: 15,20,20.8~41.5 2부구조: 20 3부구조: 100, 105 3부구조: 56.5 4, 35.4, 75.4, 112.7, 146 0.5L, 1.0L	

「고압가스안전관리법」 제5조제1항, 제5조의2제1항 또는 제2항과 같은 범시형규칙 제6조제1항제3호에 따라 용기(냉동기·특정설비)의 제조등록 또는 제품등록을 마쳤으므로 용기(냉동기·특정설비)제조 등록증명서를 발급합니다.

※ 최초등록일 : 1999. 10. 14(제고부)

2017 년 02 월 22 일

인천광역시 남동구청



☎ 경제지원과 산업지원팀 (☎453-2696)

☎ 사업의 폐지 시에는 폐지신고를 하고 등록증을 반납하여야 합니다.

인증번호 : QMS-3096

품질경영시스템 인증서

(주) 마스텍코

본사&공장 : 인천광역시 남동구 뚝고개로 490번길 173
김곡공장 : 충청북도 음성군 김곡면 가곡로 478-59

SBC 인증받은 ㈜ 마스텍코 품질경영시스템이
아래의 시스템 표준에 인공발행이 요구사항에 적합함을 인증함.

경영시스템 표준

KS Q ISO 9001:2015 / ISO 9001:2015

인증 범위

소화설비 기자재 (FM-200 고속소화시스템의 선택변트, 실린더밸브, 전자계방기, 경보발착스위치 포함), 케네딕셀 자동 소화기, 수동식 소화기, 소공간 자동 소화장치, 유수지머 밸브, 스프링클러 헤드, SP-JOINT 및 교양 물청용기와 설계·제작 및 생산

인증 일자 : 2014.04.16

인증 번호 : 253, 35, 31

유효 일자 : 2020.05.29



SBCR 대표이사



가광재

대한민국 산업안전보건공단 (KOSHA) 인증번호: 2014-04-001-001-001-001-001
대한민국 산업안전보건공단 (KOSHA) 인증번호: 2014-04-001-001-001-001-001-001



Đơn vị phân phối:

Công ty CP Công nghệ thiết bị Phương Nam
9 Vọng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 0240. 35561456 Fax: 024. 35561455

Website: pcccphuongnam.com.vn